

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC2+TTC1+TD2	7:25	7+7+7	0+0+0		5+6+11	0+0+0	
2		BK21+P8	7:25	3+19	0+0		2+20	0+0	
3		SAVR	7:25	20	0		22	0	
4		SAVR+PVD8	9:25	2+19	0+0		0+21	0+0	
5		CTK3+TD2+BK19	9:25	5+13+4	0+0+0		3+15+0	0+0+0	chuyen hang TD2-bk19
6		SAVR+TD2	9:25	13+4	0+0		5+13	0+0	
7		TD5+TTC2+BK15	11:55	7+1+11	0+0+0		5+4+13	0+0+0	
8		P10+P8+TTC1	11:55	14+1+2	0+0+0		2+14+6	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày TTC1-4ng, TTC2-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:TTC2 - TTC1 - TD2	CREW: KHOÀN - MTHAO - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1342	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHÙNG MINH HIẾU	TTC2	70	1	9	2	40	75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRỊNH BA ĐÔNG	TTC2						61	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG THANH TRUNG	TTC2						74	KH-THAC	Vietnamese
4	SMIRNOV SERGEI	TTC2	74	1	4			94	KH-THAC	Russian
5	HỒ TRƯỜNG KIẾN	TTC2	72	1	9			100	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VĂN TUẤN	TTC2	71	1	5			54	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ PHƯƠNG	TTC2	73	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
8	OPARIN A.A.	TTC1	43	1	2	2	35	77	XNKT	Russian
9	LÊ QUANG BÌNH	TTC1	44	1	4			76	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CUÔNG	TTC1	42	1	4			53	KH-THAC	Vietnamese
11	MIRSAYAPOV R.R.	TTC1	37	1	3			106	KH-THAC	Russian
12	SHEREMETIEV A.V	TTC1	41	1	4			81	KH-THAC	Russian
13	BUI THẾ ƯU	TTC1	38	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HUY	TTC1	39-40	2	13			71	KH-THAC	Vietnamese
15	LAZAREV ALEXANDER	TD2	06	1	5			89	KH-THAC	Russian
16	KISELEV IGOR	TD2	07	1	8			100	KH-THAC	Russian
17	NGUYỄN VĂN SAU	TD2	09	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN DUY ANH	TD2	03-04	2	16			70	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ VĂN HOÀN	TD2	08	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ ĐÌNH HOÀN	TD2	05	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIẾU	TD2	02	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	7	514	5	32	2	40	5		
2	TTC1	7	537	8	33	2	35	6		
3	TD2	7	567	8	50	0	0	11		
TOTAL		21	1.618	21	115	4	75	22		
WEIGHT KG			1.618		115		75			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK21 - P8	CREW: VIỆT - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1345	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	BK21	77	1	9	2	40	72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	BK21	80	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	BK21	78-79	2	8			72	KH-THAC	Vietnamese
4	CHERNIAVSKII D	P8	39	1	8			116	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN XUÂN HOANG	P8	47	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẠO TIẾN ĐẠT	P8	33	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TÚ ANH	P8	32	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	P8	40	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN BÁC	P8	35	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI TRỌNG BÌNH	P8	31	1	14			84	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐỨC	P8	45	1	16	2	23	77	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	38	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG HOA	P8	44	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM KHẮC ĐOÀN	P8	41	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC CHUNG	P8	43	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG TRI NAM	P8						83	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG ĐÌNH THUẬN	P8	36-37	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VINH DUNG	P8	30	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUANG HUY	P8	42	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯỜNG VĂN TÙNG	P8						62	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ QUANG THĂNG	P8	46	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM XUÂN CƯỜNG	P8	48	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK21	3	220	4	27	2	40	2		
2	P8	19	1.410	18	125	2	23	20		
TOTAL		22	1.630	22	152	4	63	22		
WEIGHT KG			1.630		152		63			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

(Signature)
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

(Signature)
VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

(Signature)
NGUYỄN QUANG VIỆT
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: P4 - PPD	CREW: XHOÀN - N.ANH - THỤ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03	VNHS FLIGHT: TM26/1368		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VÕ DUY TOÀN	P4	40	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY THAI	P4	39	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT BĂNG	P4	38	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC HÙNG	P4	37	1	3			55	KH-THAC	Vietnamese
5	LE ANH THĂNG	P4	35	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN TRUNG CHÍNH	P4	42	1	2			60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG TUYẾN	P4						61	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	36	1	4	1	15	72	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	41	1	3			102	KHI	Vietnamese
10	HOANG ĐÌNH QUÊ	PPD	18	1	7			90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	16-17	2	9			55	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM QUANG NAM	PPD	08	1	10	5	100	76	KHI	Vietnamese
13	BUI HUU LAN	PPD	09	1	4			77	KHI	Vietnamese
14	TU NGOC HAI	PPD	13-15	3	11			78	KHI	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC TUẤN	PPD	03	1	3			72	KHI	Vietnamese
16	HOANG NGUYỄN TÂN ĐẠT	PPD	12	1	10			60	KHI	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC MINH	PPD	04-06	3	10			74	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN DU	PPD	02	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	01	1	5			70	KHI	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN THÀNH	PPD	10	1	6			82	KHI	Vietnamese
21	ĐỖ VĂN TỬ	PPD	11	1	6			66	KHI	Vietnamese
22	HOANG MINH HIẾU	PPD	07	1	5			71	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	9	636	8	36	1	15	9		
2	PPD	13	944	18	93	5	100	13		
TOTAL		22	1.580	26	129	6	115	22		
WEIGHT KG			1.580		129		115			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:SAVR	CREW: HUNG - N.ANH - THANH	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1348	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	KARIMOV TAGIR G.	SAVR	54	1	14			93	D-HANH	Russian
2	HỒ XUÂN TUYẾN	SAVR	57	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG LONG	SAVR	51	1	13			88	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	SAVR	59	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
5	LUƠNG VĂN LUÔNG	SAVR	61	1	7	1	16	89	KH-THAC	Vietnamese
6	SOROKACH VLADIMIR	SAVR	37-38	2	15			84	AMHFP	Russian
7	SADOVNICHENKO D.	SAVR	56	1	14			105	KHOAN	Russian
8	NIFADOV VLADISLAV	SAVR	43-44	2	14			88	AMHFP	Russian
9	TRẦN MINH HIỆU	SAVR	55	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN ANH ĐỨC	SAVR	63	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
11	LE CHI CUÔNG	SAVR	58	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VĂN CUÔNG	SAVR	60	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
13	TOLSTYKH ANDREI	SAVR	41-42	2	20			74	AMHFP	Russian
14	KRUPIN VLADISLAV	SAVR	52-53	2	18	1	7	90	AMHFP	Russian
15	KARIMOV ILNUR	SAVR	45	1	17			74	AMHFP	Russian
16	KOLPAK VLADIMIR	SAVR	46-47	2	12			100	AMHFP	Russian
17	IAKANIN IAROSLAV	SAVR	39	1	6			80	AMHFP	Russian
18	BOGOMOLOV EVGENII	SAVR	40	1	6			93	AMHFP	Russian
19	NIKITIN SERGEI	SAVR	50	1	8			83	AMHFP	Russian
20	RODNIKOV STANISLAV	SAVR	48-49	2	8			73	AMHFP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	20	1.623	26	204	2	23	22		
	TOTAL	20	1.623	26	204	2	23	22		
	WEIGHT KG		1.623		204		23			

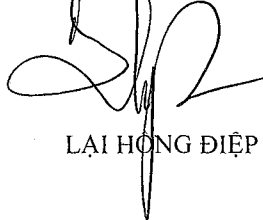
GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.



NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.



LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW



LÊ QUÝ HUNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: TRANG-2	TO:SAVR- PVD8	CREW: XHOÀN - MTHAO - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1343	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KRAVTSOV VLADISLAV	SAVR	36-37	2	11			99	AMHP	Russian
2	ZAPOLSKIKH ANTON	SAVR	34-35	2	10			114	AMHP	Russian
3	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PVD8	44	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THAO	PVD8	33	1	4	3	52	68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ANH ĐÔNG	PVD8	41	1	4			87	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG TÙNG	PVD8	32	1	13			86	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC BÌNH	PVD8	37	1	12			81	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM TUẤN ANH	PVD8	45	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH BẠC	PVD8	34	1	4	1	20	63	KH-THAC	Vietnamese
10	VUÔNG VĂN THÔNG	PVD8	35	1	8			70	YTE	Vietnamese
11	HOANG QUỐC BAO	PVD8	42	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐẠI THANH	PVD8	38	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD8						74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC DU	PVD8	43	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN CAO MẠNH	PVD8	40	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN ĐÌNH PHẠC	PVD8						72	KH-THAC	Vietnamese
17	LAM TRỌNG ĐẠI	PVD8	36	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI THỌ DUNG	PVD8	47	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU LONG	PVD8	46	1	12			71	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	PVD8	31	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	PVD8	39	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	2	213	4	21	0	0	0		
2	PVD8	19	1.355	17	106	4	72	21		
TOTAL		21	1.568	21	127	4	72	21		
WEIGHT KG			1.568		127		72			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:CTK3 - TD2 - BK19	CREW: QVIỆT - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1346	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN DANH TUẤN	CTK3	25	1	11			64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH TUỆ	CTK3						69	KH-THAC	Vietnamese
3	TẠ VĂN CUÔNG	CTK3	27	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THỊ NGÂN ANH	CTK3	26	1	3			48	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG THANH HOÀNG	CTK3						80	SAN BAY	Vietnamese
6	ĐÌNH HOÀI NAM	TD2	33	1	10	1	17	79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	TD2	26	1	8			63	YTE	Vietnamese
8	HÀ DUY ĐÔNG	TD2						91	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀ XUÂN THANH	TD2	29	1	4			116	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG TIẾN DŨNG	TD2	31	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG THỌ TÂM	TD2	30	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HỒNG GIANG	TD2	25	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HUY THAI	TD2	24	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH THẮNG	TD2	32	1	9			59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH CHUNG	TD2	23	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÀO KIM SÂM	TD2	27	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	TD2	28	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ QUANG HUY	TD2	22	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO MINH TOÀN	BK19	81-82	2	14			115	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THÀNH HUY	BK19	78	1	14			89	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG VĂN CUÔNG	BK19	80	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG HUY	BK19	79	1	8	1	15	89	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	5	331	3	17	0	0	3		
2	TD2	13	974	12	81	1	17	15	+40kg	
3	BK19	4	369	5	46	1	15	0	CHUYEN 40KG TD2-BK19	
TOTAL		22	1.674	20	144	2	32	18		
WEIGHT KG			1.674		144		32			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

VŨ THỊ THU HƯƠNG

NGUYỄN QUANG VIỆT
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO:SAVR- TD2	CREW: HUNG - N.ANH - THÀNH	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1349	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ZINNATULLIN AZAT	SAVR	84-85	2	12			69	AMHFP	Russian
2	CHERNUSHENKO VLADIMIR	SAVR	76-77	2	14			89	AMHFP	Russian
3	KHAZIPOV VIKTOR	SAVR	82	1	4			72	AMHFP	Russian
4	ANDREEV KIRILL	SAVR	80-81	2	22			92	AMHFP	Russian
5	ZABOLOTNOV SERGEI	SAVR	83	1	5			70	AMHFP	Russian
6	TRẦN HAI ĐĂNG	SAVR	67	1	4			63	GETRACO	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG THANH	SAVR	75	1	15			73	ANTOAN	Vietnamese
8	LÊ MẠNH THĂNG	SAVR	72	1	5			70	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH VƯƠNG	SAVR	73-74	2	12	3	84	103	ANTOAN	Vietnamese
10	MUHAMMAD BIN ISMAIL	SAVR	68-69	2	20			86	BAKER HUGO	Malaysian
11	HOANG TRUNG KIEN	SAVR	70-71	2	15			68	BAKER HUGO	Vietnamese
12	AREFEV ANDREI	SAVR	78-79	2	7			103	AMHFP	Russian
13	SEFERBEKOV ARSEN	SAVR	65-66	2	11			79	AMNGR	Russian
14	TRẦN XUÂN KHANH	TD2						65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	TD2	35	1	14			83	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	TD2						75	PSV	Vietnamese
17	LÊ MINH HOÀN	TD2	36	1	8			79	PSV	Vietnamese
18	DANG XUAN DUONG	TD2	38	1	6			70	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN DUY CANH	TD2	37	1	4			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	13	1.037	21	146	3	84	6		
2	TD2	6	427	4	32	0	0	13		
TOTAL		19	1.464	25	178	3	84	19		
WEIGHT KG			1.464		178		84			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

LÊ QUÝ HUNG
 NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: <i>A26</i>	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO: TD5 - TTC2 - BK15	CREW: KHOAN - N.CUONG - TU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/1344	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CHU ĐỨC HÙNG	TD5	98	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TUẤN ANH	TD5	94	1	10	1	13	60	KH-THAC	Vietnamese
3	VÕ TUẤN MẠNH	TD5	99,600	2	7			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	TD5	93	1	13			76	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HOANG GIANG	TD5	96	1	9	2	40	76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN KHIÊM HIỆU	TD5	97	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN NGUYỄN	TD5	92	1	5			72	PSV	Vietnamese
8	HOANG VĂN PHƯƠNG	TTC2	67	1	4			68	PSV	Vietnamese
9	VU THE HUNG	BK15	91	1	13			64	KHOAN	Vietnamese
10	LE HUU HUNG	BK15	92	1	14			75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THUẬN	BK15	89-90	2	19	2	40	76	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TIÊN HOANG SƠN	BK15	94	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN QUANG HOANG	BK15	97	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG HUY	BK15	95	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
15	LUU TIEN THANH	BK15	93	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
16	LE CHI CONG	BK15	96	1	6			96	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG THAI ANH	BK15	99	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
18	VU HUU CHINH	BK15	98	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
19	TO CONG TANH	BK15	600	1	5			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	7	480	8	55	3	53	5		
2	TTC2	1	68	1	4	0	0	4		
3	BK15	11	801	12	87	2	40	13		
TOTAL		19	1.349	21	146	5	93	22		
WEIGHT KG			1.349		146		93			

GRAND TOAL: 1.588 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: HONG-3	TO: P10 - P8 - TTC1	CREW: LINH - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/1347	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VŨ BAO AN	P10	40-41	2	18	5	85	78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU HẬU	P10	42	1	11			85	KH-THAC	Vietnamese
3	LE NGOC NGUYEN	P10						83	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN KHUÊ	P10	32	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HIEU LIÊM	P10	38	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN KIM PHI HÙNG	P10	39	1	10			71	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN NINH	P10	33-35	3	16			68	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI XUÂN NGỌC	P10	99,900	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC TUÂN	P10	29-30	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN KHUYNH	P10	36-37	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
11	HA MẠNH HÙNG	P10	31	1	15			67	XAYLAP	Vietnamese
12	LE ANH DŨNG	P10	97-98	2	18			70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NGÂN	P10	87	1	15			67	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC QUANG	P10	96	1	13			60	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG PHUC HUNG	P8	51	1	8			92	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG QUỐC MẠNH	TTC1	96	1	12	1	11	70	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG THAI LONG	TTC1	97	1	7			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	14	981	20	178	5	85	2		
2	P8	1	92	1	8	0	0	14		
3	TTC1	2	125	2	19	1	11	6		
TOTAL		17	1.198	23	205	6	96	22		
WEIGHT KG			1.198		205		96			

GRAND TOAL: 1.499 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ

